



Original Article

Assessing the Effectiveness of Students' Online Learning amid the COVID-19 Epidemic

Lu Thi Mai Oanh^{1,*}, Nguyen Thi Nhu Thuy²

¹*VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

²*Ho Chi Minh City University of Technology and Education, 1 Vo Van Ngan, Thu Duc, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received 16 July 2020

Revised 17 September 2020; Accepted 18 September 2020

Abstract: This paper analyzes the effectiveness of students' online learning in the context of the COVID-19 epidemic based on the online survey data of 225 Ho Chi Minh City University of Technology and Education's students with males accounting for 74.7% and females, 25.3%. The results show that the online teaching somewhat met the students' learning expectations, bringing certain convenience in saving travel time, allowing more time for studying learning materials, among others. However, the online learning shows that there were still a number of difficulties related to the means of learning, learning space and insufficient interaction, which led to lower effectiveness than traditional learning. Therefore, the research results are expected to help provide a more objective view on the current situation of online learning in the context of the COVID-19 epidemic.

Keywords: Online learning, effective online learning, COVID-19.

* Corresponding author.

E-mail address: maioanhxhh9@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4445>

Đánh giá hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh covid 19

Lữ Thị Mai Oanh^{1,*}, Nguyễn Thị Như Thúy²

¹Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh,
1 Võ Văn Ngân, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận ngày 16 tháng 7 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 17 tháng 9 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 18 tháng 9 năm 2020

Tóm tắt: Dựa trên số liệu khảo sát khảo sát trực tuyến 225 sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 5/2020), trong đó nam chiếm 74,7% và nữ chiếm tỉ lệ 25,3%; bài viết phân tích hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh covid 19. Kết quả cho thấy, việc giảng dạy học tập trực tuyến của sinh viên đã phần nào đáp ứng được kỳ vọng học tập, mang lại những tiện lợi nhất định trong việc tiết kiệm thời gian đi lại, có thêm thời gian nghiên cứu tài liệu cho sinh viên,... song còn gặp nhiều khó khăn từ phương tiện học tập, không gian học tập, quá trình tương tác với giáo viên dẫn đến hiệu quả của việc học tập trực tuyến chưa mang lại hiệu quả cao so với phương pháp truyền thống. Chính vì vậy, việc trả lời hai câu hỏi nghiên cứu: i) Thực trạng học tập trực tuyến của sinh viên trong đại dịch covid 19?; và ii) Đánh giá hiệu quả và yếu tố tác động đến việc học tập trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay? sẽ góp phần nhìn nhận khách quan về thực trạng học tập trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh covid 19.

Từ khóa: Học tập trực tuyến, hiệu quả học tập trực tuyến, covid 19.

1. Mở đầu

Hoạt động đào tạo trực tuyến trên thế giới từ lâu đã cho thấy những giá trị kinh tế, đảm bảo chất lượng và xu thế trong giáo dục hiện đại. Lịch sử phát triển công nghệ giữa thập kỷ 90 của thế kỷ trước cho đến nay chỉ mới 25 năm song đã có sự phát triển mãnh mẽ khi chỉ có 200 triệu lượt sử dụng công nghệ từ Desktop PC đến năm 2010 - 2020, đã có 10 tỷ lượt sử dụng và dự đoán đến năm 2030 sẽ lên đến 50 tỷ lượt sử dụng. Bên cạnh đó, công nghệ Web cũng đã có nhiều tiến bộ thông qua mạng thông tin Web 1.0, Mạng truyền thông Web 2.0, Mạng cộng tác Web 3.0 và mạng tích hợp Web 4.0. Xu hướng người học tham gia vào các khóa

học bằng hình thức đào tạo trực tuyến cũng tăng lên đáng kể theo hàng năm khi có gần 75% các trường cao đẳng và đại học cung cấp các khóa học trực tuyến trong năm 1999, tăng từ 48% vào năm 1998 (Piskurich, 2004) [1]. Ở Hoa Kỳ, có đến 1,98 triệu sinh viên đại học đăng ký các lớp học trực tuyến vào năm 2003 và tăng 22,9% so với năm trước đó. Năm 2004, con số này tăng thêm 18,2%, đạt 2,35 triệu. Đến năm 2005, con số này đã tăng lên gần 3,2 triệu sinh viên và tăng gần 20% đăng ký vào năm 2006, Đại học Mở, tổ chức giáo dục từ xa hàng đầu ở Anh, đã chứng kiến số lượng đăng ký tăng gần một phần ba từ 170.000 sinh viên năm 1998 đến 220.000 vào năm 2005 (Lyons, 2008) [2]. Các khóa học trực tuyến không chỉ đơn thuần cung cấp sự thuận lợi cho sinh viên, giảng viên và các hệ thống trường cao đẳng, đại học, ứng dụng công nghệ trực tuyến mang lại

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: maioanhxhh9@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4445>

lợi ích giáo dục to lớn mà còn có ý nghĩa trong việc thúc đẩy và tăng cường dạy học lấy người học làm trung tâm.

Trong môi trường học tập trực tuyến, việc lấy người học làm trung tâm đang trở nên cấp thiết nhất. Trái ngược với quan điểm hành vi, các nhà tâm lý học nhận thức tập trung vào người học (chứ không phải môi trường) là thành phần tích cực của quá trình dạy và học. Các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra những thiếu sót nghiêm trọng khi tìm cách giải thích tất cả việc học như một phản ứng đơn giản đối với các tác nhân môi trường (Tomei, 2007) [3]. Chính vì vậy, việc giảng dạy lấy người học làm trung tâm đòi hỏi nhiều hơn là chỉ đơn giản học cách sử dụng công nghệ; đồng thời cũng đòi hỏi người dạy phải học những cách dạy mới và khác nhau để thu hút học sinh vào môi trường học tập ảo (DeNigris và Witchel, 2000; Kearsley, 2000) [4, 5]. Đánh giá hiệu quả học tập trực tuyến của Steinweg, Davis và Thomson (2005) [6] đã cho thấy không có sự khác biệt đáng kể về mặt thống kê trong những thay đổi về kiến thức, cách xử lý và hiệu suất của người học đăng ký tham gia môi trường học tập trực tuyến và truyền thống trong một khóa học giáo dục đặc biệt. Jonassen, (1994) khi kiểm tra cách sử dụng công nghệ trong lớp học trực tuyến trong khuôn khổ kiến tạo đã nhấn mạnh vai trò của người hướng dẫn [7]. Đặc biệt, Squires (1999) đã cho thấy tầm quan trọng của người hướng dẫn, giảng dạy và việc sử dụng thành thạo các kỹ thuật, phần mềm của sinh viên trong đào tạo học tập từ xa [8]. Bên cạnh đó, Odin (2002) cũng đã chứng minh sự tác động qua lại giữa việc thiết kế tốt các hoạt động giảng dạy và sự hợp tác của sinh viên trong quá trình tham gia học được thể hiện thông qua chất lượng học tập [9]. Cụ thể, nghiên cứu của Odin đã chỉ ra rằng, các hoạt động giảng dạy đa phương thức xác định sự hiện diện xã hội của giáo viên, người đóng vai trò là người hướng dẫn để thúc đẩy hoạt động học tập trực tuyến hiệu quả. Trong đó, người hướng dẫn, giảng dạy đóng vai trò quan trọng trong việc áp dụng

đa dạng các phương thức giảng dạy nhằm tạo ra bối cảnh học tập hiệu quả cho sinh viên. Đồng thời, báo của Sloane Consortium trong năm 2011 về giáo dục trực tuyến cho thấy 51% cán bộ giáo dục (trưởng khoa) tin rằng hình thức hướng dẫn học tập trực tuyến có thể so sánh với trực tiếp; thậm chí có tới 14% tin rằng hình thức hướng dẫn trực tuyến có phần ưu việt hơn. Thêm vào đó, có tới 63% tin rằng sự hài lòng của sinh viên được cảm nhận là như nhau đối với các khóa học trực tuyến và trực tiếp (Allen và Seaman 2011). Các hoạt động dạy và học đa dạng thúc đẩy mức độ tương tác phức tạp giữa người học, người dạy và nội dung của khóa học, tạo ra bối cảnh xã hội để trao đổi và chuyển đổi kiến thức.

Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh covid 19 ở Việt Nam, học tập trực tuyến được xem là phương pháp học tập hiệu quả nhằm không bị ngắt quãng việc dạy và học tập mà vẫn tuân thủ chấp hành sự cách ly của chính phủ. Chính vì vậy, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã có những chiến lược, ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn hoạt động dạy và học tập trực tuyến. Tuy nhiên, do bị ảnh hưởng bởi tâm lý trong bối cảnh dịch bệnh và chưa có sự chuẩn bị trước cho việc triển khai đồng bộ trong việc giảng dạy và học tập trực tuyến nên quá trình thực hiện vẫn còn gặp những rào cản, khó khăn về công cụ, phương tiện dạy và học, cũng như tâm thế học của sinh viên. Mặc dù số lượng các lớp học trực tuyến đã tăng lên, áp dụng phổ biến trong toàn trường song nhiều giáo viên, sinh viên bày tỏ mối quan tâm về chất lượng dạy và học tập trực tuyến ảnh hưởng đến kết quả học của sinh viên. Chính vì vậy, bài viết "*Đánh giá hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh covid 19*" là việc làm cần thiết nhằm trả lời cho hai câu hỏi chính: i) Thực trạng học tập trực tuyến của sinh viên trong đại dịch covid 19? và ii) Đánh giá hiệu quả và yếu tố tác động đến việc học tập trực tuyến của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay?. Bài viết thông qua việc đánh giá hiệu quả học tập trực tuyến, chỉ ra những khó khăn, thách thức của sinh viên

và tìm hiểu các yếu tố tác động để từ đó đề xuất giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả học tập trực tuyến cho sinh viên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành khảo sát 225 sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 5/2020), trong đó nam chiếm 74,7% (168) và nữ chiếm tỉ lệ 25,3% (57) (trong khoảng 15% trong tổng số sinh viên năm nhất). Do trong bối cảnh dịch bệnh covid 19, vấn đề chọn mẫu và khảo sát cũng gặp nhiều khó khăn nên nghiên cứu này chỉ thu nhận được 225 đơn vị mẫu, do đó kết quả này chỉ nhận diện và phân tích bước đầu về hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên, không có đại diện tổng thể. Lý do khảo sát lựa chọn địa bàn nghiên cứu là Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh bởi đây là một trong những trường đại học đứng đầu trong nước về việc đầu tư công nghệ cũng như triển khai kết nối mạng nhằm phục vụ quá trình học tập của sinh viên. Đặc biệt, nắm bắt được xu thế mới trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều đầu tư trong việc e-learning and teaching: Nhà trường đã khánh thành phòng Dạy học số (DHS) tổng giá trị hơn 300 ngàn USD có khả năng kết nối trực tuyến toàn cầu (31/3/2015); đầu tư 1 triệu USD vào serve nhằm chuẩn bị chương trình dạy, học và kiểm tra trực tuyến. Trên cơ sở đó, nhà trường đã có những thành tựu đáng ghi nhận trong gần 5 năm qua, cụ thể: “Công tác dạy học số được đẩy mạnh với việc mở 5.200 lớp học cho 3 hệ: đại trà, chất lượng cao và vừa làm vừa học với 5 triệu lượt truy cập vào trang LMS, tổ chức thành công 02 hội thảo về dạy học số. Tiếp tục duy trì và phát triển DHS, LMS, quay phim, biên tập video clip cho hội thảo, bài giảng...” (UTE, Báo cáo tự đánh giá để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, 2016). Tổng số máy tính trong trường có 2,069 máy tính bộ, 69 máy tính xách tay, trong đó số máy tính phục vụ cho người học là 1,512 máy, 258 máy chiếu. Tại các

phòng học đều được trang bị thiết bị âm thanh, 100% phòng học hệ chất lượng cao đều được trang bị máy chiếu và máy điều hòa không khí. Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch bệnh covid 19, việc triển khai học tập trực tuyến vẫn cho thấy những hạn chế khi sinh viên không thể đến trường để tiếp cận nguồn tài nguyên về công nghệ, kỹ thuật cũng như bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Việc lựa chọn Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh để nghiên cứu sẽ giúp cho việc lựa chọn mẫu nghiên cứu phù hợp với nội dung, mục tiêu nghiên cứu khi có sự đa dạng sinh viên về giới tính, vùng miền, tiềm năng sở hữu phương tiện học tập và điều kiện học tập trực tuyến. Với những đáp ứng như vậy sẽ giúp cho đề tài trả lời được các câu hỏi nghiên cứu cũng như tính đúng đắn của lý thuyết nghiên cứu.

Đề tài sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi trực tuyến và xử lý dữ liệu bằng phương pháp thống kê SPSS. Bên cạnh đó, nhằm kế thừa từ các nghiên cứu thực nghiệm, nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu truyền thống là phân tích hồi quy đa biến với sự hỗ trợ của các phần mềm thống kê như SPSS ở một số thang đo nhằm đánh giá tác động của các nhân tố đến hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên. Thang đo với hệ số tin cậy Cronbach's alpha thông qua phần mềm xử lý SPSS 20.0 để sàng lọc, loại bỏ các biến không đáp ứng tiêu chuẩn độ tin cậy. Đánh giá về tiêu chuẩn Cronbach's alpha được nhiều nhà nghiên cứu (Nunally, 1978) [11] đề nghị là hệ số Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên là có thể chấp nhận được trong trường hợp khái niệm đang nghiên cứu là mới hoặc mới đối với người trả lời trong bối cảnh nghiên cứu (Vygotsky, 1978) [12] và sử dụng hệ số tương quan biến tổng (item - total correlation) với những biến nào có tương quan biến tổng < 0,4 sẽ bị loại bỏ. Ngoài ra, nghiên cứu cũng sử dụng công cụ phân tích hồi quy trong phần mềm SPSS là Linear Regression. Kết quả của phân tích hồi quy sẽ cho ra các hệ số hồi quy và mức ý nghĩa thống kê (giá trị Sig.) của từng biến độc lập. Với những biến có mức ý nghĩa < 0,05 là đạt yêu cầu và được sử dụng trong mô hình hồi quy.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng học tập trực tuyến của sinh viên

Học tập trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh và chưa được chuẩn bị tâm lý trước đã mang đến nhiều trải nghiệm cho sinh viên. Trong học kỳ 2 của năm học 2019-2020, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký trên 7 học phần chiếm tỉ lệ cao nhất 30,7%; tiếp đến là 7 học phần 25,8%; dưới 5 học phần 24,9% và thấp hơn ở 6 học phần chiếm tỉ lệ 18,7%. Điều này cũng phản ánh đúng với tình hình học tập của các em thông qua việc đăng ký môn học phù hợp với yêu cầu của năm học đề ra. Bên cạnh đó, khi nhấn mạnh đến thời gian dành cho học tập, giải trí của sinh viên đã cho thấy sự tương đồng giữa các khoảng thời gian. Cụ thể, sinh viên thường dành dưới 3 giờ để học tập chiếm tỷ lệ cao nhất 44%, tiếp đến là 3 đến dưới 6 giờ 39,6%; từ 6 đến dưới 9 giờ chiếm 8,3% và từ 9 giờ trở lên chiếm 7,1%. Tương tự, thời gian dành cho giải trí cũng có giá trị với số giờ tương ứng là dưới 3 giờ chiếm tỉ lệ cao nhất 48,9%; từ 3 đến dưới 6 giờ chiếm 37,3%; từ 6 đến dưới 9 giờ chiếm 6,7% và từ 9 giờ trở lên chiếm 7,1%.

Nếu như trước đây, số giờ học được sử dụng chủ yếu thông qua lớp học truyền thống thì nay đã có sự thay đổi khi sinh viên bước vào môi trường học trực tuyến với các môn học được phân bổ linh hoạt giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận các lớp học khác nhau mà không phải di chuyển về khu vực địa lý, đi lại. Đồng thời, cũng có rất nhiều khóa học, buổi trao đổi trực tuyến, việc tìm hiểu các kỹ thuật, cách thức sử dụng học trực tuyến dẫn đến việc sinh viên dành cho thời gian học tập trực tuyến khá cao. Tuy nhiên, tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, do đặc thù của ngành kỹ thuật nên sinh viên chủ yếu thực hành và thời gian học tập trên lý thuyết ít hơn, điều đó cũng phản ánh việc sinh viên sử dụng internet cho mục đích học tập từ 6 giờ trở lên chiếm tỉ lệ khá thấp. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sinh viên dành thời gian từ 5 giờ trở lên cho việc giải trí như lướt web, facebook chiếm tỉ lệ 23,6%. Nghiên cứu của Jung (2011) nhấn mạnh những sinh viên thường

dùng facebook trên 5 giờ/ngày có điểm số học tập giảm 10% [13]. Sinh viên học tập trực tuyến thường cảm thấy bị cô lập về mặt xã hội và nhiều sinh viên thiếu các kỹ năng tự định hướng và quản lý thời gian cần thiết để có thể thành công trong việc học tập. Hỗ trợ thể chế là rất quan trọng trong việc duy trì sinh viên học tập trực tuyến (Lyons, 2008) [2]. Bởi vậy, nhà trường, giáo viên cũng cần có những phương thức hỗ trợ và thu hút sinh viên phát huy tinh thần học tập, chủ động trong việc học trực tuyến.

Trong quá trình học tập trực tuyến, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã được giảng viên hỗ trợ cung cấp tài liệu và thực hiện nhiều hoạt động khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu của người học như cung cấp đủ tài liệu học (slides, video clips, sách, giáo trình,...) 99,1%; cung cấp đề cương chi tiết 98,7%; phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá cải tiến việc học 98,3%; thực hiện kiểm tra nhanh (quiz, assignment) 98,2%; giao bài tập 97,8%; nhiệt tình, kịp thời giải đáp thắc mắc, sẵn sàng tiếp thu ý kiến đóng góp của người học 97,8% và tạo môi trường học tập thân thiện, hợp tác, khuyến khích, sáng tạo 96,9%. Thông qua kết quả thu nhận được đã phân nào phản ánh tầm quan trọng của việc kiểm tra nhanh theo bài học nhằm củng cố kiến thức cho sinh viên. Theo Miller (1956) [14], vì con người bị hạn chế khả năng ghi nhớ ngắn hạn, thông tin nên được nhóm thành các chuỗi có ý nghĩa, chẳng hạn như năm đến chín (tức là, 7 ± 2), các đơn vị có ý nghĩa. Sau khi thông tin được xử lý trong bộ nhớ làm việc sẽ được lưu trữ trong bộ nhớ dài hạn. Số lượng được chuyển vào bộ nhớ dài hạn được xác định bởi chất lượng và độ sâu xử lý trong bộ nhớ làm việc. Xử lý càng sâu, càng nhiều liên kết các dạng thông tin mới thu được trong bộ nhớ. Thông tin được chuyển từ bộ nhớ ngắn hạn sang bộ nhớ dài hạn được đồng hóa hoặc củng cố trong bộ nhớ dài hạn. Chính vì vậy, việc sử dụng các câu kiểm tra nhanh sẽ giúp kích hoạt cấu trúc kiến thức thực hiện có của người học. Cụ thể hơn, thông qua các câu hỏi kiểm tra nhanh sẽ tạo điều kiện thu hồi kiến thức hiện có, nhằm giúp người học tìm hiểu tài liệu để đạt được kết quả học tập cao.

3.2. Đánh giá hiệu quả học tập khi học trực tuyến của sinh viên

Kết quả khảo sát tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, hình thức học tập trực tuyến mang lại sự tiện lợi được sinh viên đánh giá cao về hiệu quả học tập tương đương cho đến hiệu quả hơn nhiều so với hình thức học truyền thống khi chiếm tỉ lệ 74,3% và chỉ có 25,8% cho rằng ít, kém hiệu quả. Sự tiện lợi ở đây được hiểu là tiết kiệm được khoảng thời gian đi lại và có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc học, đọc tài liệu: *“Hình thức học trực tuyến cũng có khá nhiều lợi ích như có thể xem lại bài giảng nhiều lần, không cần phải di chuyển xa nên có thêm nhiều thời gian để làm deadlines, mức độ bài tập được đưa ra trong thời gian này cũng ở mức tương đối không quá khó; không như học trực tiếp trên lớp, có thể tùy ý lựa chọn không gian*

học phù hợp để tránh mất tập trung và cảm thấy thoải mái” (sinh viên). Tuy nhiên, bên cạnh sự tiện lợi trong việc tiết kiệm thời gian đi lại, việc đánh giá hình thức học trực tuyến mang lại hiệu quả học tập hơn một chút và hiệu quả hơn nhiều so với phương pháp truyền thống chỉ chiếm tỉ lệ 32%; 27,6% cho rằng hiệu quả tương đương và có đến 40,5% cho rằng ít hiệu quả và ít hiệu quả hơn nhiều. Điều này cũng phản ánh đặc thù ngành học của trường khi giờ thực hành chiếm phần lớn thời gian, nên tuy có nhiều sinh viên thừa nhận học tập trực tuyến *“Mở ra nhiều cơ hội, đa dạng môi trường học tập, đáp ứng nhu cầu học tập khác nhau”* và *“Đây là phương pháp rất hay và hiệu quả khi vừa có thể phòng tránh dịch vừa có thể giúp sinh viên không bị quên kiến thức, không bị chậm trễ về thời gian”* (sinh viên) song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu học tập như mong muốn.

Bảng 1. Đánh giá của sinh viên về hiệu quả học tập thông qua hình thức học tập trực tuyến so với học tập truyền thống

Hiệu quả học tập khi học trực tuyến	Hiệu quả hơn nhiều	Hiệu quả hơn một chút	Hiệu quả tương đương	Ít hiệu quả hơn	Ít hiệu quả hơn nhiều
Tiện lợi	29,8	21,8	22,7	17,8	8
Đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân	15,6	16,4	27,6	28,9	11,6
Trao đổi, giao tiếp giữa giáo viên và sinh viên	13,8	11,6	24,9	35,6	14,2
Tham gia và tương tác của sinh viên	14,7	11,1	25,8	34,7	13,8

N = 225

Nhờ sự hỗ trợ của giảng viên trong quá trình học tập trực tuyến mà có tới 97,3% sinh viên cho rằng giảng viên đáp ứng được kỳ vọng của người học. Tuy nhiên, khi đánh giá hiệu quả học tập của hình thức học trực tuyến trong khía cạnh trao đổi, giao tiếp giữa giáo viên và sinh viên cho thấy chỉ có 25,4% sinh viên cho rằng không hiệu quả, 24,9% đánh giá hiệu quả tương đương và có tới 49,8% đánh giá không hiệu quả. Đây cũng là một trong những hạn chế được sinh viên nhấn mạnh trong quá trình học tập trực tuyến: *“Khá mới mẻ nhưng lại mang*

đến nhiều lợi ích, tuy nhiên vẫn còn hạn chế như việc làm nhóm sẽ không thể trực tiếp trao đổi, luyện tập thuyết trình và không thể sử dụng các phương thức thuyết trình gây thu hút từ giọng nói và cách nói” (sinh viên). Không chỉ đơn thuần dừng lại ở khía cạnh trao đổi, giao tiếp mà sự tham gia, tương tác của sinh viên vẫn cho thấy những hạn chế nhất định khi có tới 48,4% cho rằng không hiệu quả, 25,8% cho rằng hiệu quả tương đương và chỉ có 25,8% cho rằng hiệu quả so với phương pháp truyền thống. Đối với sinh viên ngành kỹ thuật, việc được trải

nghiệm và tương tác trực tiếp được xem là yếu tố trọng tâm, không thể thay thế hình thức trực tuyến. Thời lượng lý thuyết của người học cũng chiếm tỉ lệ khá thấp nên việc học tập trực tuyến chỉ đáp ứng được ở một số tiêu chí như hỗ trợ nội dung lý thuyết, tiết kiệm thời gian để nghiên cứu tài liệu mà không thể thay thế hình thức thực hành để có thể áp dụng trực tuyến. Bởi vậy, nhằm nâng cao kết quả học tập cho người học thông qua hình thức học tập trực tuyến, người dạy không chỉ đơn thuần cung cấp kiến thức mà còn phải kết hợp nhiều hoạt động, hình thức tổ chức học tập để kiến thức được chuyển hóa tới người học. Cụ thể hơn, để việc học tập trực tuyến có ý nghĩa, tài liệu học tập nên được thể hiện thông qua các ví dụ liên quan đến người học để được hiểu đúng thông tin. Chẳng hạn như thông qua bài tập, dự án cho phép người học chọn các hoạt động có ý nghĩa nhằm áp dụng và cá nhân hóa thông tin. Cuối cùng, để mang đến quá trình dạy và học trực tuyến hiệu quả, người dạy cần tạo dựng được môi trường thân thiện, hợp tác, sáng tạo cũng như có những phản hồi tích cực, ghi nhận sự góp ý của người học nhằm hướng đến đáp ứng kỳ vọng người học. Môi trường học tập hay bầu không khí lớp học được thể hiện theo giá trị hữu hình (những gì chúng ta quan sát được về cảnh quan, kiến trúc, bài trí lớp học,...) và những giá trị vô hình hay giá trị ẩn - tức những gì chúng ta không nhìn thấy được nhưng có thể cảm nhận được.

Như vậy, trong quá trình dạy và học tập trực tuyến, vấn đề mà người học quan tâm nhất vẫn là kết quả cuối cùng mà họ thu nhận được thông qua quá trình, hình thức học tập, cụ thể là các thức thực hiện, triển khai dạy học trực tuyến. Chính vì vậy, việc đánh giá những gì người học ghi nhận được từ giảng viên trong quá trình học tập trực tuyến sẽ phần nào phản ánh chất lượng đào tạo của nhà trường khi áp dụng phổ biến việc học tập trực tuyến hiện nay. Từ kết quả khảo sát sinh viên tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, phần lớn sinh viên đánh giá cao của

phương pháp học tập trực tuyến ở khía cạnh tiện lợi, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập cá nhân song vẫn còn hạn chế trong quá trình tương tác cũng như sự tham gia của người dạy và người học vào hình thức học tập trực tuyến.

3.3. Yếu tố tác động đến hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên

Trong bối cảnh cách ly xã hội vì dịch bệnh covid 19, việc học trực tuyến phần nào tạo sự thuận tiện cho người học có thể dành thời gian hỗ trợ gia đình, thực hiện quy định cách ly xã hội. Cụ thể, có đến 98,7% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý với việc thực hiện học tập trực tuyến giúp tránh khỏi bệnh truyền nhiễm khi thực hiện quy định cách ly của chính phủ. Bên cạnh đó, có tới 61,3% sinh viên hoàn toàn đồng ý với việc học tập trực tuyến có thể giúp bản thân tranh thủ thời gian hỗ trợ bố mẹ, gia đình, tiếp đến là 34,2% sinh viên đồng ý đúng một phần và chỉ có 4,4% không đồng ý. Tuy nhiên, việc triển khai đồng bộ việc dạy và học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh đã tạo tâm lí cho giáo viên và người học gặp nhiều khó khăn khi chưa được chuẩn bị trước đó.

Phương tiện và không gian hỗ trợ học tập: kết quả khảo sát tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy có 57,8% sinh viên sử dụng điện thoại, lap top trong quá trình học tập trực tuyến; 12,9% sinh viên sử dụng 3 phương tiện điện thoại, máy tính bàn, Laptop; 16% chỉ sử dụng Laptop; 9,8% sử dụng điện thoại và 3,6% chỉ sử dụng một máy tính bàn. Việc sử dụng một thiết bị trong việc học tập trực tuyến có thể ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập trực tuyến do những bất cập có thể gặp phải như các sự cố liên quan đến kỹ thuật máy tính, điện thoại. Đặc biệt, nếu sinh viên chỉ sử dụng một công cụ học là điện thoại sẽ rất khó khăn trong việc sử dụng các tính năng đồng thời khác để tham gia vào quá trình thảo luận trong học tập trực tuyến. Bên cạnh đó, sinh viên còn gặp một số khó khăn khác như tình trạng mất điện, mất liên kết internet và vấn đề kỹ thuật trong việc đăng nhập vào các nội dung học tập trực tuyến. Đặc biệt, về không gian học tập, có đến 64% sinh viên cho rằng không có

không gian riêng tư để học tập trực tuyến và thường bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn 79,1%. Trong đó, có đến 71% sinh viên nhân mạnh thường bị người nhà làm phiền và cảm thấy gò bó, không được đi lại chiếm tỉ lệ 73,7%. Đây cũng là một trong những hạn chế ảnh hưởng đến quá trình học tập trực tuyến của sinh viên.

Sức khỏe tâm thần của sinh viên: Sức khỏe tâm thần là một phần không thể thiếu của sức khỏe và hạnh phúc, như được phản ánh trong định nghĩa về sức khỏe trong Hiến pháp của Tổ chức Y tế Thế giới: "*Sức khỏe là một trạng thái hoàn toàn khỏe mạnh về thể chất, tinh thần và xã hội và không chỉ là sự không có bệnh tật hay có bệnh tật*". Sức khỏe tâm thần của sinh viên trong quá trình học cũng phần nào phản ánh hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên. Kết

quả nghiên cứu cho thấy sinh viên thường cảm thấy stress hơn vì áp lực deadline, bài tập chiếm 91,5%; nhìn máy tính, điện thoại nhiều dẫn tới mỏi mắt chiếm 91,2%; dễ mệt mỏi chiếm 86,7%; giao lưu nói chuyện chiếm 79,1%. Đặc biệt, kết quả chạy phân tích độ tin cậy của thang đo về sức khỏe tâm thần của sinh viên cho thấy độ tin cậy đạt 0,972 lớn hơn 0,6 đạt yêu cầu. Tất cả các biến thành phần đều có tương quan với tổng lớn hơn 0,3 đạt yêu cầu. Trong đó, việc kiểm định từ bảng phân tích phương sai ANOVA cho thấy, Giá trị $F = 1,473$, giá trị $Sig. = 0,090$ ($> 0,05$), từ kết quả này cho thấy tồn tại ít nhất ba biến độc lập (các yếu tố về sức khỏe tâm thần) có ý nghĩa thống kê giải thích sự thay đổi về kết quả học tập của sinh viên trong bối cảnh dịch bệnh covid 19.

Bảng 2. Kiểm định phương sai về sức khỏe tâm thần đến hiệu quả học tập trực tuyến

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Thống kê T	Mức ý nghĩa Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Beta	Beta			Độ chấp nhận	Hệ số phóng đại phương sai
(Hằng số)	2,275	0,219		10,368	0,000		
CT ko thoải mái	0,218	0,093	0,156	2,358	0,019	0,562	1,778
Cam thay kho bat tay vao cv	0,329	0,108	0,266	3,039	0,003	0,542	1,844
Cam thay chan nan	0,2535	0,082	0,203	3,104	0,002	0,529	1,892

Biến độc lập: Đáp ứng nhu cầu học tập trực tuyến ($Sig < 0,05$).

Cụ thể, học tập trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh covid 19 đã có một số yếu tố về sức khỏe tâm thần ảnh hưởng đến việc học tập của sinh viên như cảm thấy khó bắt tay vào công việc ($Sig. = 0,003$), cảm thấy chán nản ($Sig. = 0,002$) và cảm thấy không thoải mái ($Sig. = 0,019$). Từ những phân tích trên cho thấy, mặc dù dữ liệu thu thập được nhấn mạnh đến việc sinh viên gặp khó khăn trong việc tập trung và cảm thấy căng thẳng trong quá trình học tập trực tuyến chiếm tỉ lệ rất cao song thang đo về sức khỏe tâm thần lại cho thấy chỉ tồn tại ít nhất ba biến độc lập về sức khỏe tâm thần có ý nghĩa thống kê nhằm giải thích ảnh hưởng đến hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên.

Như vậy, có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập trực tuyến của sinh viên song tập trung chủ yếu về phương tiện học tập, kết nối internet và một số biểu hiện liên quan đến yếu tố sức khỏe tâm thần của sinh viên.

Tương tác giữa người dạy và học: Kết quả nghiên cứu đồng thời cho thấy quá trình tương tác giữa người dạy và người học cũng phần nào cho thấy sự ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Cụ thể, có tới 88,5% sinh viên cho rằng đúng một phần và hoàn toàn đúng với việc sinh viên và giảng viên khó tương tác, trao đổi và 73,3% sinh viên cho rằng thầy cô giáo dạy không thu hút, sinh động như dạy trực tiếp trên lớp truyền thống: "*Người học thường cảm thấy*

mệt mỏi, căng thẳng và mất tập trung khi phải dành nhiều thời gian cho việc tham gia học tập thông qua máy tính và không có sự tương tác nhiều thông qua trực tiếp” (sinh viên). Bởi vậy, cần thiết kế hợp lý bài giảng với nguồn tài liệu số, các hệ thống học tập trực tuyến có thể được sử dụng để xác định nhu cầu người học với trình độ chuyên môn hiện tại và tạo sự tương tác nhằm giúp người học đạt được kết quả học tập mong muốn.

5. Kết luận

Học trực tuyến không chỉ cung cấp các công nghệ đa phương tiện nhằm thu hút sinh viên, khuyến khích học tập lấy sinh viên làm trung tâm mà còn giúp người học tiếp cận mọi phong cách học tập. Tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy tỉ lệ sinh viên đăng ký trên 7 học phần chiếm tỉ lệ rất cao và phần nào phản ánh cường độ học tập của sinh viên trong quá trình tham gia hình thức học tập trực tuyến. Đặc biệt, bên cạnh mặt thuận lợi trong việc thực hiện tuân thủ cách ly trong bối cảnh dịch bệnh, hỗ trợ gia đình làm việc nhà, có thể dành thời gian hơn cho việc nghiên cứu tài liệu nhờ tiết kiệm thời gian đi lại thì sinh viên cũng gặp rất nhiều khó khăn ở các khía cạnh khác ảnh hưởng đến hiệu quả học tập. Có thể thấy, học tập trực tuyến đã mang lại những hiệu quả nhất định và được sinh viên đánh giá cao về hiệu quả trong việc tiện lợi, đáp ứng kỳ vọng người học song vẫn còn nhiều hạn chế, rào cản.

Trong quá trình học tập trực tuyến, sinh viên thường gặp những hạn chế về trang thiết bị học tập, nguồn mạng internet không ổn định, phần mềm học chưa đảm bảo tính liên tục. Đồng thời, sinh viên cũng gặp khó khăn hơn dẫn đến căng thẳng tâm lý, mệt mỏi do nhìn máy tính, điện thoại nhiều; cảm giác gò bó, không được đi lại; mệt mỏi hơn vì không thể trực tiếp giao lưu, nói chuyện và không có không gian riêng tư, dễ bị làm phiền và tiếng ồn. Kết quả về thang đo sức khỏe tâm thần cho

thấy có ba yếu tố tác động nhiều nhất đến hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên là cảm thấy khó bắt tay vào công việc (học tập), cảm thấy chán nản và không thoải mái.

Đặc biệt, kết quả nghiên cứu cũng phần nào phản ánh sự tác động của quá trình tương tác, trao đổi giữa người dạy và học ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Cụ thể, phần lớn sinh viên nhận thấy việc học tập trực tuyến làm cho người học cảm thấy căng thẳng hơn bởi khó tiếp thu kiến thức; sinh viên và giảng viên hạn chế trong việc tương tác, trao đổi và thầy cô giáo dạy không thu hút, sinh động như dạy trực tiếp. Tương tác là một thành phần quan trọng của bất kỳ sự kiện học tập nào (Dewey, 1938) [15] và được xác định là một trong những cấu trúc chính trong học tập trực tuyến (Li và Akins, 2005) [16]. Do vậy, những khó khăn, bất cập trên mà việc nhìn nhận hiệu quả của sinh viên trong việc học tập trực tuyến chưa được đánh giá cao. Garrison và Cleveland-Innes (2005) [17] cũng đã đánh giá độ sâu của việc học trực tuyến, tập trung vào bản chất của sự tương tác trực tuyến trong thiết kế khóa học giáo dục từ xa. Phát hiện của các tác giả cho thấy: i) thách thức đầu tiên là làm thế nào để thiết kế và tạo điều kiện cho người học nhận thức được các trải nghiệm và nắm được sự hiểu biết sâu; và thứ hai ii) điều quan trọng là cung cấp các câu hỏi hấp dẫn, thảo luận tập trung, thử thách và ý tưởng thử nghiệm, mô hình đóng góp phù hợp và để đảm bảo rằng bài diễn thuyết được thu hút. Chính vì vậy, giảng viên cần chú trọng đến sự tương tác hai chiều giữa người dạy và học thông qua cách hợp tác làm việc trên các bài tập và tham gia các cuộc thảo luận nhóm nhỏ, điều này cho người học có cơ hội để chia sẻ ý tưởng và học hỏi lẫn nhau. Mặc dù nghiên cứu chỉ mới dừng lại bước đầu nhận diện và phân tích về hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên, không có đại diện tổng thể song sẽ là hướng gợi mở để nhóm tác giả tiếp tục triển khai trên một nghiên cứu dung lượng mẫu lớn hơn, mang tính đại diện cho tổng thể nhằm hoàn thiện hơn về chủ đề nghiên cứu trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] G.M. Piskurich (Ed.), Preparing learners for e-learning, John Wiley and Sons, 2004.
- [2] J.F. Lyons, Teaching history online, Routledge, 15, 2008.
- [3] L.A. Tomei, A theoretical model for designing online education in support of lifelong learning, In Online education for lifelong learning, IGI Global, 2007, pp. 122-145.
- [4] J. DeNigris, A. Witchel, How to Teach and Train Online: Teaching the Learning Organization with Tomorrow's Tools Today, Pearson Custom Pub, 2000.
- [5] G. Kearsley, Online education: Learning and teaching in cyberspace, Wadsworth Publishing Company, 2000.
- [6] S.B. Steinweg, M.L. Davis, W.S. Thomson, A comparison of traditional and online instruction in an introduction to special education course, Teacher Education and Special Education 28(1) (2005) 62-73.
- [7] D.H. Jonassen, Thinking technology: Toward a constructivist design model, Educational technology 34(4) (1994) 34-37
- [8] D. Squires, J. Preece, Predicting quality in educational software, Interacting with computers 11(5) (1999) 467-483.
- [9] J.K. Odin, Teaching and Learning Activities in the Online Classroom: A Constructivist Perspective, 2002.
- [10] I.E. Allen, J. Seaman, Going the Distance: Online Education in the United States, 2011 [online]. Sloane Consortium website. <http://sloanconsortium.org/publications/survey/going-distance/>, 2011 (accessed 17 September 2020).
- [11] J. Nunnally, Psychometric methods, (2nd ed.). New York: McGraw-Hill, 1978.
- [12] L.S. Vygotsky, Mind in society, Cambridge, MA: Harvard University Press, 1978.
- [13] I. Jung, C. Latchem, A model for e-education: Extended teaching spaces and extended learning spaces, British Journal of Educational Technology 42(1) (2011) 6-18.
- [14] G.A. Miller, The magical number seven, plus or minus two: Some limits on our capacity for processing information, Psychological Review, 63 (1956) 81-97.
- [15] J. Dewey, Experience in education, New York: Macmillan, 1938.
- [16] Q. Li, M. Akins, Sixteen myths about online teaching and learning in higher education: Don't believe everything you hear, TechTrends 49(4) (2005) 51-60.
- [17] R.D. Garrison, M. Cleveland-Innes, Facilitating cognitive presence in online learning: Interaction is not enough, The American Journal of Distance Education 19(3) (2005) 133-148.